

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201504 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041107	36CCĐ4	Hu ấ nh T n ấ n	12/10/1993				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
2	3671041967	36CCĐ4	Tr n Qu c ấ o	14/08/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
3	3671041109	36CCĐ4	Nguy n ấ nh ấ c ấ ng	10/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
4	3671041178	36CCĐ4	Nguy n C ấ ng ấ nh	23/08/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
5	3671041123	36CCĐ4	Ph m Thanh ấ nh	01/11/1994				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
6	3671041140	36CCĐ4	Nguy n Kh ấ nh ấ c	13/04/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
7	3671041132	36CCĐ4	Tr n Quang ấ c	27/12/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
8	3671041950	36CCĐ4	Lê Hoàng ấ c	25/03/1994				2.0			2.0	0.6	6.5	4.6	5.2	
9	3671041496	36CCĐ4	Ho ấ ng V ấ nh ấ c	13/06/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
10	3671041222	36CCĐ4	Nguy n Ch ấ c ấ u	26/10/1994				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
11	3671041994	36CCĐ4	Nguy n Ph ấ c ấ u	21/06/1994				2.0			2.0	0.6	0.5	0.4	1.0	
12	3671041141	36CCĐ4	Nguy n V ấ nh ấ u	10/07/1994				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
13	3671041197	36CCĐ4	ấ ng V ấ nh ấ n	11/03/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
14	3671041173	36CCĐ4	Nguy n Quang ấ u	28/03/1994				5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
15	3671041475	36CCĐ4	Nguy n Trung ấ u	11/11/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
16	3671041087	36CCĐ4	ấ ng Th ấ i ấ o	01/06/1994				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
17	3671041457	36CCĐ4	Vĩ V ấ nh ấ ng	09/02/1989				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
18	3671041100	36CCĐ4	Nguy n ấ c ấ ên	14/02/1991				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HP
19	3671041079	36CCĐ4	B ấ i Tu n ấ t	07/11/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 122067201504 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041047	36CCĐ4	Nguy n Tr ng Km	22/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3671041460	36CCĐ4	Tr n ã c Khánh	10/05/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
22	3671041167	36CCĐ4	Tr nh Huu nh Qu c Khánh	02/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3671041170	36CCĐ4	ñ ng Anh Khoa	09/03/1992				4.0			4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
24	3671041080	36CCĐ4	Nguy n V ã Khoa	12/12/1994				2.0			2.0	0.6	1.5	1.1	1.7	
25	3671041144	36CCĐ4	Nguy n V O Linh	12/08/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
26	3671041213	36CCĐ4	Ki u Phi Long	10/11/1994				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
27	3671041218	36CCĐ4	Tr n Kh ã nh Minh	31/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3671041519	36CCĐ4	Tr n V ã Nam	31/08/1994				2.0			2.0	0.6	4.0	2.8	3.4	
29	3671041244	36CCĐ4	Nguy n V ã Ngh ã	15/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
30	3671041209	36CCĐ4	Bùi Quang Nhã	20/07/1994				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
31	3671042012	36CCĐ4	Ph m V ã Pháp	15/10/1993				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
32	3671041073	36CCĐ4	L ² V ã Phú	14/08/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
33	3671041984	36CCĐ4	Ng» H u Thi ² n Ph ng	04/12/1994				4.0			4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	
34	3671041155	36CCĐ4	Nguy n Thanh Ph ng	17/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
35	3671041053	36CCĐ4	Ngô Minh Quang	25/02/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
36	3671041036	36CCĐ4	L ² Th Quý	1994				2.0			2.0	0.6	4.0	2.8	3.4	
37	3671041293	36CCĐ4	Lê Minh Tân	26/07/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
38	3671041103	36CCĐ4	ñ ã ng Thi ² n T n	05/08/1992				2.0			2.0	0.6	8.5	6.0	6.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201504 - C ấ l ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3671042048	36CCĐ4	L ² V ấ	Ti n	28/01/1993				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
40	3671041533	36CCĐ4	Ng ầ V ấ	Ti p	06/02/1993				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
41	3671041208	36CCĐ4	Nguy n H ng	Toàn	26/11/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3671041192	36CCĐ4	Nguy n H u	Toàn	04/08/1993				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
43	3671041520	36CCĐ4	Châu Hoàng	Tu n	02/10/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
44	3671041202	36CCĐ4	Phan S	Tú	28/02/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
45	3671041078	36CCĐ4	Nguy n V ấ	Túc	1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
46	3671041171	36CCĐ4	VH L ầ C ầ ng	Thành	26/09/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
47	3671041148	36CCĐ4	V½ V ấ	Th ch	14/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
48	3671041180	36CCĐ4	L ² Chi n	Th ng	26/11/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
49	3671041139	36CCĐ4	Nguy n Th ầ	Tr ng	02/07/1994				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
50	3671041531	36CCĐ4	V½ Th Ho ầ	Y n	09/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

T ng s : 50 h c sinh sinh vi 2 n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ầ o Vi 2 n B M ầ n Gi ầ o V Khoa